TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 483/2024/DS-ST
Ngày: 24-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thạch Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Long;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Ngọc Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 418/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 329/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1970;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số D C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số A đường N (Đường E cũ), Tổ C, ấp X, T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Bé L, sinh năm 1994;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số F Tỉnh Lộ 2, Tổ A, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 10/8/2023, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:*

Ngày 05/11/2022, bà Lê Thị Bé L có vay của bà số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng theo Giấy mượn tiền ngày 05/11/2022. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là sau 03 tháng kể từ ngày vay đến ngày 05/02/2023, không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên sau khi ký giấy mượn tiền bà L chỉ trả cho bà 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, còn nợ lại số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng. Bà đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền nợ lại là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà Lê Thị Bé L thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả số tiền nợ là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, cần khắc phục vi phạm về thời gian chuẩn bị xét xử.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét thấy các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 10/8/2023, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Bé L phải trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp lực. Đây là quan hệ pháp luật

"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Lê Thị Bé L có nơi cư trú tại Số F Tỉnh Lộ 2, Tổ A, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bị đơn bà Lê Thị Bé L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa vắng mặt bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Tại Bản tự khai ngày 15/11/2023, nguyên đơn bà Trần Thị T xác định số tiền bà cho bà L vay là tiền cá nhân của bà và bà chỉ yêu cầu bà L trả nợ, không yêu cầu chồng bà L có nghĩa vụ liên đới trả số nợ trên. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa chồng bà L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là phù hợp.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc bà Lê Thị Bé L phải trả cho bà số tiền nợ gốc 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi theo Giấy mượn tiền lập ngày 05/11/2022 giữa bà Trần Thị T và bà Lê Thị Bé L. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bà L thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bà L không đến Tòa để giải quyết vụ án và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ. Do đó, Tòa án căn cứ theo tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp để giải quyết vụ án là có cơ sở.

Tại Giấy mượn tiền ngày 05/11/2022 thể hiện số tiền gốc bà T cho bà L vay là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 05/11/2022 đến ngày 05/02/2023, không thỏa thuận lãi suất. Đây là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không lãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà T thừa nhận trong quá trình vay tiền bà L đã trả cho bà 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, số tiền nợ còn lại là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

Xét việc bà L không trả đủ tiền nợ gốc cho bà T theo thoả thuận tại Giấy mượn tiền ngày 05/11/2022 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà Lê Thị Bé L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền nợ gốc phải trả cho bà T, đồng thời hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị T.

Buộc bà Lê Thị Bé L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng. Thi hành ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị Bé L phải chịu là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Hoàn lại cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0018156 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thạch Vũ